

BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 114 /TM-VDD

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc cung cấp báo giá hóa chất xét nghiệm

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất xét nghiệm

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá hóa chất cho Khoa Hóa sinh và Chuyển hóa dinh dưỡng.

Danh mục báo giá: Chi tiết theo mẫu đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Báo giá bằng giá tiền đồng Việt Nam.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí gói thầu.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu và gửi qua Email).

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Thời gian gửi báo giá: Trước 16 giờ 00 Ngày 5 tháng 7 năm 2023.

Thông tin liên hệ: Bà Lý Thị Tuyền, phòng Vật tư - Quản trị.

Số điện thoại 0989664052; Email: thauvtqt.nin@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Website của Viện Dinh dưỡng (để công khai);
- Lưu: VT,VTQT.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
DINH DƯỠNG
Trần Thanh Dương

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÓA CHẤT YÊU CẦU BẢO GIÁ
 (Kèm theo TMBG số 114/TM-VDD ngày 03 tháng 7 năm 2023)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
HÓA CHẤT HÓA SINH					
1	Hóa chất định lượng Triglycerid	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride:</p> <p>Dải đo: 0,1-11,3 mmol/L, phương pháp: GPO-POD, bước sóng 660/800 nm.</p> <p>Thành phần: 4-Aminoantipyrine \geq 0,5 mmol/L, Lipases \geq 1,5 kU/L (\geq 25 μkat/L), Glycerol kinase \geq 0,5 kU/L (\geq 8,3 μkat/L), Peroxidase \geq 0,98 kU/L (\geq 16,3 μkat/L), Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μkat/L), Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μkat/L). Hoặc tương đương.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp: 100 ml, hoặc tương đương.</p>	Hộp	0,25	
2	Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol:</p> <p>Dải đo: 0,05-4,65 mmol/L, phương pháp: Enzymatic colour.</p> <p>Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi, Cholesterol esterase (CHE) \geq 0,8 IU/mL, Cholesterol oxidase (CHO) \geq 4,4 IU/mL, Peroxidase (POD) \geq 1,7 IU/mL, Ascorbate Oxidase \geq 2 IU/mL, F-DAOS \geq 0,2 mmol/L, 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L. Hoặc tương đương.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp: 144 ml, hoặc tương đương.</p>	Hộp	0,25	
3	Hóa chất định lượng Ure kiểm mức thường	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen:	Lọ	0,25	

		<p>Dải đo: 0,8-50 mmol/L, phương pháp: Urease/GLDH .</p> <p>Thành phần: NADH \geq 0,26 mmol/L, 2-Oxoglutarate \geq 9,8 mmol/L, Urease \geq 17,76 kU/L, GLDH \geq 0,16 kU/L. Hoặc tương đương.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp: 424 ml, hoặc tương đương.</p>			
4	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT:</p> <p>Dải đo: 5 - 1200 U/L, phương pháp dựa trên khuyến nghị của Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế (IFCC).</p> <p>Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L, L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide \geq 6 mmol/L. Hoặc tương đương.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp: 144 ml, hoặc tương đương</p>	Hộp	0,25	
5	Hóa chất định lượng Ferritin	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin:</p> <p>Dải đo: 8 - 450 μg/L, phương pháp: Immunoturbidimetric.</p> <p>Thành phần: Glycine buffer (R1: pH 8,3. R2: pH 7,3) 170 mmol/L, Tiểu phân Latex phủ kháng thể thỏ kháng ferritin người. Hoặc tương đương.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp: 144 ml, hoặc tương đương.</p>	Hộp	1	
	Tổng cộng: 5 mục				